

VI PHẠM HỢP ĐỒNG TRƯỚC THỜI HẠN THỰC HIỆN NGHĨA VỤ (ANTICIPATORY BREACH): MỘT SỐ TRỞ NGẠI KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ QUY ĐỊNH Ở VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ QUỲNH YẾN*

Tóm tắt: Hiện nay trên thế giới đang chia làm hai luồng quan điểm khác nhau, ủng hộ hoặc phản đối học thuyết Vi phạm hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ. Hầu hết các quốc gia theo hệ thống pháp luật Anh Mỹ cùng một số ít các quốc gia thuộc hệ thống pháp luật Civil Law đã công nhận và quy định về Vi phạm hợp đồng trước thời hạn. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam giữ vững lập trường quan điểm theo lý thuyết Vi phạm hợp đồng truyền thống và chưa chính thức công nhận Vi phạm hợp đồng trước thời hạn. Bài viết phân tích khái quát Vi phạm hợp đồng trước thời hạn, nêu ra thực trạng pháp luật và một số trở ngại khi công nhận loại vi phạm này ở Việt Nam.

Từ khoá: Vi phạm hợp đồng, Vi phạm hợp đồng trước thời hạn, pháp luật Việt Nam.

Ngày nhận bài: 30/10/2023; Biên tập xong: 15/11/2023; Duyệt đăng: 23/11/2023

OBSTACLES WHEN RECOGNIZING ANTICIPATORY BREACH IN VIETNAM

Abstract: Currently, there are two different views among all jurisdictions around the world, supporting or opposing the doctrine of anticipatory breach. Most common law countries and a few civil law countries have recognized and regulated this breach. However, many countries, including Vietnam, still stick with the traditional theory of breach of contract and have not officially adopted the doctrine of anticipatory breach. This article provides an overview of anticipatory breaches and analyses the current legal situation as well as some obstacles when recognizing this type of breach in Vietnam.

Keywords: Breach of contract, Anticipatory breach, Vietnamese law.

Received: Oct 30th, 2023; **Editing completed:** Nov 15th, 2023; **Accepted for publication:** Nov 23th, 2023

1. Khái quát về học thuyết Vi phạm hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ

Lý thuyết về vi phạm hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ (gọi tắt là Vi phạm trước thời hạn) ra đời từ án lệ *Hochster v De La Tour* năm 1853 ở Anh¹. Trong vụ việc này, hai bên ký kết với nhau một hợp đồng dịch vụ hướng dẫn du lịch, trong đó nguyên đơn là hướng dẫn viên du lịch cho chuyến du lịch kéo dài ba tháng của công ty bị đơn. Tuy nhiên, trước khi chuyến đi bắt đầu, bị đơn thay đổi ý định và thông báo rằng họ không còn cần đến

dịch vụ của bên nguyên đơn. Thẩm phán Lord Campbell đưa ra phán quyết ủng hộ nguyên đơn, cho rằng khi một bên tuyên bố trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ rằng anh ta sẽ không thực hiện nghĩa vụ của mình thì bên còn lại có thể ngay lập tức huỷ hợp đồng và đòi bồi thường thiệt hại. Vụ việc này trở thành một án lệ điển hình cho những tranh chấp về vi phạm hợp đồng trước thời hạn ở Anh về sau này. Dần dần, lý thuyết Vi phạm hợp đồng trước thời hạn không chỉ gói gọn trong hệ thống pháp luật Anh mà phát triển và du nhập vào hệ thống pháp luật của nhiều quốc

* Email: Yenntq@ftu.edu.vn

Thạc sĩ, Nghiên cứu sinh, Giảng viên khoa Luật – Trường Đại học Ngoại thương

¹ *Hochster v De La Tour*, 118 Eng.Rep. 922 (Queen's Bench, 1853)

gia common law khác như Mỹ, Canada, New Zealand, Singapore, HongKong... và một số quốc gia civil law như Đức, Trung Quốc². Các văn bản pháp lý quốc tế như Công ước Viên 1980 về Hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế (CISG), Bộ nguyên tắc luật hợp đồng Châu Âu (PECL) 2002 và Bộ nguyên tắc Hợp đồng thương mại quốc tế (PICC) 2016 cũng đưa ra các quy định cụ thể về loại Vi phạm này³.

Vi phạm hợp đồng trước thời hạn được công nhận như một trường hợp ngoại lệ của vi phạm hợp đồng truyền thống. Có thể hiểu một cách chung nhất, vi phạm trước thời hạn xảy ra khi một bên có lời nói hoặc hành vi thể hiện ý định sẽ thực hiện nghĩa vụ, hoặc có cơ sở rõ ràng về việc anh ta không thể thực hiện nghĩa vụ của mình khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ đó. Pháp luật các quốc gia đưa ra các quy định không hoàn toàn giống nhau đối với loại vi phạm này, nhưng đều đặt ra hai căn cứ cơ bản cấu thành nên vi phạm hợp đồng trước thời hạn, bao gồm (i) tính rõ ràng của dấu hiệu vi phạm và (ii) tính rõ ràng của vi phạm sẽ xảy ra.

Thứ nhất, cần có cơ sở rõ ràng về việc một bên sẽ vi phạm nghĩa vụ. Bên vi phạm có thể tuyên bố rõ ràng sẽ không thực hiện nghĩa vụ hoặc có hành vi thể hiện rõ ràng ý định không thực hiện hợp đồng (chẳng

hạn như bên bán bán đối tượng của hợp đồng cho một bên khác); hoặc có bằng chứng rõ ràng có liên quan là cơ sở rõ ràng để suy đoán vi phạm hợp đồng sẽ xảy ra (ví dụ, một bên trong hợp đồng phá sản và mất khả năng thanh toán). Trên thực tế, tiêu chuẩn rõ ràng thường được đánh giá dựa vào từng hoàn cảnh cụ thể và dựa theo quan điểm của một người bình thường trong cùng một điều kiện hoàn cảnh, chứ không phải quan điểm của bên bị vi phạm.

Thứ hai, vi phạm sẽ xảy ra phải là vi phạm cơ bản. Phán quyết của Tòa án đến văn bản pháp luật quốc gia, hay các văn bản pháp lý quốc tế điều chỉnh vi phạm hợp đồng trước thời hạn đều yêu cầu tính “cơ bản” của vi phạm được dự báo trước⁴. Vi phạm cơ bản có thể được hiểu là vi phạm toàn bộ hoặc một phần lớn nghĩa vụ đã thoả thuận trong hợp đồng; hoặc là vi phạm của một bên khiến bên kia bị thiệt hại đến mức không đạt được mục đích khi giao kết hợp đồng. Chẳng hạn, trong hợp đồng mua bán hàng hoá, nếu bên bán tuyên bố không giao phần lớn hoặc toàn bộ số hàng hoá cho bên mua thì mới có thể đủ điều kiện để cấu thành vi phạm hợp đồng trước thời hạn. Còn nếu bên bán chỉ tuyên bố từ chối giao tem mác đính kèm hàng hoá thì khó có thể cấu thành một Vi phạm trước thời hạn, và bên mua không được phép tạm ngừng thực hiện hoặc huỷ hợp đồng trước thời hạn trong trường hợp này.

Đối với hậu quả pháp lý của vi phạm hợp đồng trước thời hạn, quy định của các văn bản pháp luật quốc gia và văn bản pháp lý quốc tế cũng như thực tiễn xét xử cho thấy, trong trường hợp xác định

² Vi phạm hợp đồng trước thời hạn được quy định trong một số văn bản pháp luật quốc gia như Điều 2-609 và 2-610 Bộ luật thương mại thống nhất Hoa Kỳ UCC; Điều 72 Luật hợp đồng và thương mại New Zealand năm 2017, Điều 323 BLDS Đức; Điều 528 BLDS Trung Quốc... và trong một số án lệ điển hình ở các quốc gia, chẳng hạn như án lệ *Potter v. New Brunswick*, 2015 SCC 10 (CanLII) ở Canada; án lệ *Afivos Shipping Co v Pagnan* [1983] 1 WLR 195 ở Hoa Kỳ, án lệ *Huppert v Stock Options of Australia Pty Ltd* (1965) 112 CLR 414 ở Úc...

³ Điều 71 và 72 CISG; Điều 7.3.3 và 7.3.4 PICC, Điều 8:105 PECL

⁴ Điều 72 CISG, Điều 7.3.4 PICC, phán quyết của thẩm phán trong các án lệ *Hochster v De La Tour*, 118 Eng.Rep. 922 (Queen’s Bench, 1853), *Afivos Shipping Co v Pagnan* [1983] 1 WLR 195.

một bên vi phạm trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ, bên bị vi phạm có thể áp dụng các chế tài bao gồm: tạm ngừng thực hiện hợp đồng, hoặc huỷ hợp đồng và đòi bồi thường thiệt hại. Đứng trước nguy cơ một bên sẽ vi phạm hợp đồng, bên còn lại có quyền hoãn thực hiện nghĩa vụ cho đến khi đối tác thực hiện lại nghĩa vụ của mình hoặc yêu cầu bên bị suy đoán vi phạm đưa ra đảm bảo rằng anh ta chắc chắn sẽ thực hiện nghĩa vụ đúng hạn. Nếu bên có nghĩa vụ không cung cấp được đảm bảo đầy đủ về việc thực hiện nghĩa vụ thì lúc này bên có quyền có thể huỷ hợp đồng. Như vậy, chế tài tạm ngừng thực hiện hợp đồng có thể được coi là bước đệm, trước khi bên có quyền có đủ cơ sở rõ ràng, chắc chắn để áp dụng quyền huỷ hợp đồng đối với vi phạm hợp đồng trước thời hạn, bởi chế tài huỷ hợp đồng chỉ được áp dụng trong trường hợp một vi phạm cơ bản hợp đồng chắc chắn sẽ xảy ra. Mặc dù huỷ hợp đồng là chế tài khá nặng nề, tuy nhiên lại là chế tài cần thiết được áp dụng khi đã có cơ sở rõ ràng để biết chắc chắn rằng một bên sẽ vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng. Bởi lẽ, việc áp dụng chế tài tạm ngừng thực hiện nghĩa vụ trong trường hợp này sẽ khiến bên có nguy cơ bị vi phạm mất thời gian chờ đợi vô ích và đánh mất cơ hội tìm kiếm được các đối tác khác để nhanh chóng ký hợp đồng thay thế. Hơn thế nữa, sự trì hoãn này còn khiến bên có nguy cơ bị vi phạm phải gánh chịu thêm những thiệt hại đáng kể mà đáng lẽ anh ta có ngăn chặn được nếu được huỷ hợp đồng ngay tại thời điểm có dấu hiệu vi phạm hợp đồng trước thời hạn.

2. Thực trạng pháp luật Việt Nam về vi phạm hợp đồng trước thời hạn

Cho đến nay, khái niệm vi phạm hợp đồng trước thời hạn vẫn chưa xuất hiện trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam. Cả Bộ luật Dân sự (BLDS)

năm 2015 và Luật Thương mại năm 2005 đều có cách tiếp cận giống nhau đối với khái niệm vi phạm nghĩa vụ hay vi phạm hợp đồng. Đó là các hành vi không thực hiện, thực hiện không đầy đủ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ theo thỏa thuận giữa các bên hoặc theo quy định của Luật⁵. Các hành vi này được hiểu là các hành vi đã xảy ra trên thực tế, sau khi thời hạn thực hiện nghĩa vụ của bên có nghĩa vụ đã kết thúc. Các chế tài do vi phạm hợp đồng cũng được áp dụng trên cơ sở đã xảy ra hành vi vi phạm hợp đồng của một bên. Như vậy, có thể hiểu rằng, khái niệm vi phạm hợp đồng theo pháp luật Việt Nam không bao gồm những hành vi vi phạm được dự báo trước sẽ xảy ra trong tương lai, hay pháp luật Việt Nam chưa công nhận những hành vi vi phạm nghĩa vụ hợp đồng xảy ra trước khi hết thời hạn thực hiện nghĩa vụ đó.

Tuy nhiên, trong các văn bản pháp luật Việt Nam vẫn có một vài quy định khá giống với lý thuyết Vi phạm hợp đồng trước thời hạn. Chẳng hạn, Điều 411 BLDS năm 2015 về quyền hoãn thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng song vụ quy định rằng “*Bên phải thực hiện nghĩa vụ trước có quyền hoãn thực hiện nghĩa vụ, nếu khả năng thực hiện nghĩa vụ của bên kia đã bị giảm sút nghiêm trọng đến mức không thể thực hiện được nghĩa vụ như đã cam kết cho đến khi bên kia có khả năng thực hiện được nghĩa vụ hoặc có biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.*”. Có thể lập luận rằng điều khoản này cho phép một bên có quyền hoãn thực hiện nghĩa vụ của mình trước nguy cơ bên còn lại sẽ vi phạm hợp đồng trong tương lai, cụ thể là anh ta không thể thực hiện nghĩa vụ đã cam kết do khả năng thực hiện nghĩa vụ bị giảm sút

⁵ Điều 351 BLDS năm 2015; khoản 12 Điều 3 Luật Thương mại năm 2005

ng nghiêm trọng, trừ khi anh ta cung cấp được đảm bảo về việc thực hiện nghĩa vụ của mình. Quyền hoãn thực hiện nghĩa vụ theo Điều 411 có thể coi là một trường hợp ngoại lệ và bổ sung cho các trường hợp áp dụng quyền hoãn thực hiện hợp đồng tại Điều 308 Luật Thương mại 2005. Quy định của Điều 411 khá tương tự với Điều 2-609 Bộ luật thương mại thống nhất Hoa Kỳ, hay Điều 71 Công ước Viên 1980, Điều 7.3.4. Bộ nguyên tắc hợp đồng thương mại quốc tế, về quyền hoãn thực hiện nghĩa vụ trước nguy cơ một bên sẽ vi phạm hợp đồng trong tương lai.

Bên cạnh đó, Điều 313 Luật Thương mại năm 2005 về vấn đề huỷ hợp đồng trong trường hợp giao hàng, cung ứng dịch vụ từng phần cũng khá giống với quy định về vi phạm hợp đồng trước thời hạn. Cụ thể, khoản 2 Điều này quy định: *“Trường hợp một bên không thực hiện nghĩa vụ đối với một lần giao hàng, cung ứng dịch vụ là cơ sở để bên kia kết luận rằng vi phạm cơ bản sẽ xảy ra đối với những lần giao hàng, cung ứng dịch vụ sau đó thì bên bị vi phạm có quyền tuyên bố huỷ bỏ hợp đồng đối với những lần giao hàng, cung ứng dịch vụ sau đó, với điều kiện là bên đó phải thực hiện quyền này trong thời gian hợp lý.”* Như vậy, quy định này cho phép một bên huỷ hợp đồng khi có cơ sở về việc bên còn lại sẽ không hoàn thành nghĩa vụ của mình trong tương lai. Việc bên có nghĩa vụ đã vi phạm nghĩa vụ giao hàng hoặc cung ứng dịch vụ lần đầu là cơ sở rõ ràng để suy đoán rằng anh ta sẽ vi phạm nghĩa vụ đối với những giao hàng, cung ứng dịch vụ sau đó. Trong trường hợp đó, bên có quyền được phép huỷ hợp đồng đối với những lần giao hàng hay cung ứng dịch vụ về sau. Điều kiện bên bị vi phạm phải thực hiện quyền huỷ hợp đồng trong thời gian hợp lý theo Điều 313 có thể hiểu bên này nên huỷ hợp đồng càng sớm càng tốt, có thể ngay tại

thời điểm bên vi phạm không giao hàng lần đầu. Do đó, quyền huỷ hợp đồng đối với những lần giao hàng hay cung ứng dịch vụ về sau được thực hiện ngay cả khi chưa đến thời hạn để thực hiện những nghĩa vụ đó.

Có thể thấy, hai điều khoản phân tích trên đây có bản chất khá tương đồng với học thuyết vi phạm hợp đồng trước thời hạn. Tuy nhiên, những trường hợp này chưa được gọi tên là vi phạm hợp đồng trước thời hạn, và chưa được quy định một cách rõ ràng và đầy đủ. So với học thuyết vi phạm hợp đồng trước thời hạn thì Điều 411 BLDS năm 2015 chỉ đề cập đến chế tài hoãn thực hiện nghĩa vụ, và chỉ áp dụng trong trường hợp một bên không thể thực hiện hợp đồng do khả năng thực hiện nghĩa vụ của anh ta bị giám sát nghiêm trọng; trong khi đó, quyền huỷ hợp đồng trước thời hạn theo Điều 311 Luật Thương mại 2015 chỉ áp dụng cho hợp đồng giao hàng và cung ứng dịch vụ từng phần.

3. Một số trở ngại của việc công nhận vi phạm hợp đồng trước thời hạn ở Việt Nam

Mặc dù học thuyết vi phạm hợp đồng trước thời hạn được chứng minh có nhiều ưu điểm và đã có chỗ đứng trong nhiều hệ thống pháp luật quốc gia và văn bản pháp lý quốc tế, nhưng khi giới thiệu một học thuyết mới để du nhập về một hệ thống pháp luật quốc gia, cũng cần tính đến những rào cản hay mặt trái có thể xảy ra. Sau đây, tác giả phân tích một số trở ngại nếu Việt Nam chính thức công nhận và thông qua các quy định về Vi phạm hợp đồng trước thời hạn.

Thứ nhất, học thuyết vi phạm hợp đồng trước thời hạn có thể nhận được những ý kiến trái chiều của các học giả và nhà làm luật ở Việt Nam. Điều này chắc chắn không tránh khỏi, tương tự với phản ứng của các học

giả luật nước ngoài ở các quốc gia trong giai đoạn xem xét để công nhận và điều chỉnh học thuyết vi phạm hợp đồng trước thời hạn trong hệ thống pháp luật nước mình. Vấn đề này đã gây tranh cãi ở nhiều quốc gia và các học giả nước ngoài đã đưa ra một số ý kiến phản đối học thuyết Vi phạm hợp đồng trước thời hạn.

- Một số học giả cho rằng học thuyết này không logic, bởi vi phạm nghĩa vụ hợp đồng không thể xảy ra khi nghĩa vụ đó còn chưa đến thời hạn để thực hiện⁶. Một vi phạm hợp đồng thông thường xảy ra khi bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ của mình trong thời hạn thực hiện hợp đồng. Như vậy, vi phạm hợp đồng là vi phạm xảy ra trên thực tế khi đã hết thời hạn thực hiện nghĩa vụ, chứ không phải nằm ở sự suy đoán của một bên bởi không có sự suy đoán nào là chắc chắn tuyệt đối. Tại một thời điểm, một bên có thể có cơ sở để suy đoán chắc chắn bên còn lại sẽ vi phạm nghĩa vụ khi đến hạn. Nhưng gần đến hạn, bên còn lại có thể lại thay đổi ý định, hoặc sắp xếp được các phương án khác để hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, thì vi phạm hợp đồng không thể xảy ra.

- Một số ý kiến phản đối học thuyết này vì cho rằng việc cho phép bên có nguy cơ bị vi phạm huỷ bỏ hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ sẽ bất công đối với bên bị suy đoán sẽ vi phạm nghĩa vụ, buộc anh ta phải chịu trách nhiệm cho những nghĩa vụ mà anh ta chưa buộc phải thực hiện (vì chưa hết hạn để thực hiện nghĩa vụ đó)⁷. Thông thường, thời hạn thực hiện nghĩa vụ là khoảng thời gian để

bên có nghĩa vụ thực hiện và hoàn thành nghĩa vụ của mình và khoảng thời gian này thường được các bên thoả thuận ngay trong hợp đồng. Như vậy, trong khoảng thời gian đó, bên có nghĩa vụ có thể làm bất cứ điều gì miễn là anh ta sẽ hoàn thành nghĩa vụ khi đến hạn.

- Học thuyết này bị chỉ trích vì dường như nó mang lại quá nhiều quyền lực cho bên có ý định dựa vào việc không thực hiện dự kiến của bên kia, có thể dẫn đến việc lạm quyền của bên vô tội. Sự bất ổn trong điều kiện kinh tế hoặc sự thúc đẩy của lợi ích kinh tế có thể khiến một bên trong hợp đồng lợi dụng lý thuyết Vi phạm trước thời hạn để biện minh cho việc chấm dứt hợp đồng và yêu cầu bồi thường trước thời hạn⁸. Đây cũng là một lý do quan ngại được đưa ra trong cuộc họp ở Vienna giữa đại diện của các quốc gia thành viên CISG khi thảo luận để thông qua quy định về Vi phạm hợp đồng trước thời hạn⁹. Bên cạnh đó, việc áp dụng học thuyết này có thể dẫn đến kết quả không công bằng đối với bên bị suy đoán vi phạm, cụ thể là bổ sung thêm nghĩa vụ cho anh ta ngoài những nghĩa vụ đã thoả thuận trong hợp đồng¹⁰. Rõ ràng, nghĩa vụ cung cấp đảm bảo thực hiện nghĩa vụ hợp đồng không được quy định trong hợp đồng, do vậy việc bên bị suy đoán vi phạm phải cung cấp đảm bảo thực hiện nghĩa vụ khi anh ta bị nghi ngờ sẽ vi phạm hợp đồng đồng nghĩa với việc anh ta phải làm nhiều hơn những gì mà

⁶ David W. Robertson, *The Doctrine of Anticipatory Breach of Contract*, 20 La. L. Rev. (1959). Xem tại: <https://digitalcommons.law.lsu.edu/lalrev/vol20/iss1/20> (truy cập ngày 15/2/2019)

⁷ David W. Robertson, *id.*

⁸ Mahmoud Ibrahim Fayyad, *Rationalizing anticipatory breach in Emirati law: a comparative legal study with English law*, University of Sharjah Journal of Law Sciences Vol. 19, 2020.

⁹ M.Gilbey Strub, *The convention on the international sale of goods: Anticipatory repudiation provisions and developing countries*, International & Comparative Law Quarterly, Volume 38 Issue 3, 2008.

¹⁰ David W. Robertson, *id.*

hợp đồng đòi hỏi. Ngoài ra, một số học giả cũng cho rằng việc cho phép bên có nguy cơ bị vi phạm huỷ hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ sẽ khiến cho việc tính toán thiệt hại trở nên khó khăn¹¹. Thực tế vấn đề xác định khoản bồi thường thiệt hại do Vi phạm hợp đồng trước thời hạn không hề dễ dàng và gây nhiều tranh cãi.

Thứ hai, việc đưa ra quy định về Vi phạm trước thời hạn có thể gây nhầm lẫn, chồng chéo đối với các quy định hiện có. Như đã phân tích ở mục 1.1, pháp luật Việt Nam có những quy định khá tương đồng với Vi phạm hợp đồng trước thời hạn. Chẳng hạn, Điều 411 BLDS năm 2015 về quyền hoãn thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng song vụ cho phép một bên có quyền hoãn thực hiện nghĩa vụ, nếu khả năng thực hiện nghĩa vụ của bên kia đã bị giảm sút nghiêm trọng đến mức không thể thực hiện được nghĩa vụ như đã cam kết. Như vậy, căn cứ để áp dụng quyền hoãn thực hiện nghĩa vụ có thể xem là một trong những dấu hiệu của nguy cơ một bên sẽ không thực hiện đúng hợp đồng trước khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ. Tuy nhiên, Điều 411 mới chỉ đề cập đến một dấu hiệu vi phạm duy nhất là khả năng thực hiện nghĩa vụ của một bên giảm sút nghiêm trọng và chỉ cho phép bên có quyền được áp dụng hoãn thực hiện nghĩa vụ cho đến khi bên kia có khả năng thực hiện được nghĩa vụ hoặc có biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ mà không được phép huỷ hợp đồng hay đòi bồi thường thiệt hại ngay tại thời điểm đó. Bên cạnh đó, Điều 313 Luật Thương mại năm 2005 cũng hướng tới quyền huỷ hợp đồng khi có cơ sở để suy đoán bên có nghĩa vụ sẽ vi phạm nghĩa vụ của mình khi tới thời hạn thực hiện, nhưng lại chỉ áp dụng đối với hợp đồng mua bán hàng

hoá hoặc cung ứng dịch vụ từng phần chứ không áp dụng chung đối với tất cả các loại hợp đồng dân sự. Không chỉ thế, thực tiễn các tranh chấp về hợp đồng còn cho thấy các bên trong hợp đồng và cả cơ quan giải quyết tranh chấp có thể nhìn nhận trường hợp một bên tuyên bố không thực hiện hợp đồng trước thời hạn mà không có căn cứ hợp pháp là trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật theo Điều 428 BLDS năm 2015, buộc bên vi phạm phải chịu trách nhiệm dân sự do không thực hiện đúng nghĩa vụ trong hợp đồng. Như vậy, khi đưa ra các quy định về vi phạm hợp đồng trước thời hạn vào pháp luật Việt Nam, sẽ rất dễ nhầm lẫn và dễ bị áp dụng chồng chéo với các quy định hiện có như Điều 411, 428 BLDS năm 2015 và Điều 313 Luật Thương mại năm 2005. Ví dụ, nếu một bên trong hợp đồng căn cứ vào việc bên còn lại phá sản và mất khả năng thanh toán để làm căn cứ suy đoán anh ta sẽ vi phạm hợp đồng khi đến thời hạn thanh toán, thì lúc này anh ta sẽ áp dụng Điều 411 hay các quy định mới về vi phạm hợp đồng trước thời hạn, trong khi các quy định này dẫn đến các hậu quả pháp lý khác hẳn nhau.

Thứ ba, các quy định về vi phạm trước thời hạn có thể gây khó khăn khi áp dụng. Một trong những yếu tố cấu thành nên vi phạm hợp đồng trước thời hạn là tính rõ ràng của dấu hiệu vi phạm. Đây là một yếu tố định tính và rất khó xác định. Các quy định về vi phạm hợp đồng trước thời hạn trong các văn bản pháp lý quốc gia và quốc tế đều yêu cầu sự rõ ràng, chắc chắn của việc vi phạm hợp đồng sẽ xảy ra trong tương lai. Chẳng hạn, Công ước Viên 1980 dùng cụm từ “*it becomes apparent*” trong Điều 71 và “*it is clear*” trong Điều 72 đều chỉ yêu cầu về mức độ rõ ràng; hay Bộ nguyên tắc PICC cũng dùng cụm từ “*it is clear*” tại Điều 7.3.3. Tuy nhiên, các văn

¹¹ David W. Robertson, sđd 6

bản này đều không có bất kỳ quy định nào giải thích hay làm rõ như thế nào là rõ ràng, mức độ rõ ràng cần được đáp ứng cụ thể ra sao. Khi áp dụng các điều khoản về vi phạm trước thời hạn, thông thường Tòa án sẽ mất khá nhiều thời gian để giải thích mức độ rõ ràng của dấu hiệu vi phạm. Nhiều quan điểm cho rằng tiêu chí “rõ ràng” cần phải được xem xét từ góc nhìn của một người bình thường trong cùng điều kiện hoàn cảnh đó chứ không phải góc nhìn của bên suy đoán vi phạm sẽ xảy ra¹². Bên cạnh đó, Tòa án vẫn phải tham khảo và áp dụng các án lệ về vi phạm hợp đồng trước thời hạn để đưa ra kết luận về mức độ rõ ràng của dấu hiệu Vi phạm. Ví dụ, các án lệ của CISG liệt kê ra một số hành vi được coi là đáp ứng tiêu chí rõ ràng theo quy định của Điều 71, 72 Công ước như khi một bên tuyên bố rõ ràng rằng anh ta sẽ không thực hiện nghĩa vụ; hay khi một bên đòi hỏi thêm một số điều kiện bổ sung thì mới thực hiện nghĩa vụ...¹³. Tương tự như vậy, các quốc gia common law như Anh Mỹ, khi giải thích về tính rõ ràng của sự từ chối thực hiện hợp đồng hay dấu hiệu Vi phạm hợp đồng trước thời hạn cũng dựa trên các án lệ có sẵn, và đều thống nhất rằng tiêu chuẩn rõ ràng cần phải đánh giá dựa vào sự nhìn nhận của một người bình thường trong cùng một điều kiện hoàn cảnh, liệu có cho rằng việc một bên sẽ vi phạm hợp đồng là rõ ràng hay không. Trong khi đó, ở Việt Nam, các bản án về vi phạm hợp đồng trước thời hạn hiện nay chưa có nhiều để Tòa án có thể tham khảo khi xét

xử các tranh chấp. Khác với vai trò của Thẩm phán ở các quốc gia theo hệ thống common law là những người được sáng tạo và giải thích pháp luật, Thẩm phán ở Tòa án Việt Nam không được trao quyền giải thích pháp luật khi các quy định pháp luật chưa rõ ràng mà quyền này được trao cho Ủy ban thường vụ Quốc hội¹⁴. Vì vậy, khi áp dụng các quy định về vi phạm hợp đồng trước thời hạn, Thẩm phán không thể giải thích pháp luật nếu quy định này không đủ rõ ràng. Điều này sẽ gây ra sự lúng túng, mơ hồ cho các bên trong hợp đồng về mức độ rõ ràng của dấu hiệu vi phạm hợp đồng trước thời hạn và có thể dẫn đến sự thiếu nhất quán trong phán quyết của Tòa án khi xét xử các tranh chấp về Vi phạm hợp đồng trước thời hạn.

4. Nhận định chung

Đối với một học thuyết pháp lý đã ra đời đến gần hai thế kỷ và được nhiều quốc gia cùng các văn bản pháp lý quốc tế công nhận và điều chỉnh, tính khoa học và ưu việt của nó là không thể phủ nhận. Tuy nhiên, một học thuyết pháp lý được chứng minh logic và phù hợp với hệ thống pháp luật này chưa chắc đã hoàn toàn phù hợp và hiệu quả khi đặt vào hệ thống pháp luật khác. Do đó, một khi cần nhắc đến “cấy ghép” một học thuyết mới vào hệ thống quy phạm pháp luật quốc gia, các nhà làm luật cần cân nhắc giữa lợi ích mà học thuyết đó mang lại song song với những rào cản và mặt trái của việc công nhận học thuyết đó. Đối với học thuyết vi phạm hợp đồng trước thời hạn, những trở ngại trước mắt có thể là phản ứng trái chiều của các học giả luật và các nhà làm luật về loại vi phạm này, sự khó khăn khi áp dụng quy định về loại vi phạm này cũng như khả năng gây nhầm lẫn và chồng chéo giữa quy định về loại vi

¹² E.W. Hornung, in P. Schlechtriem / I. Schwenzer, *Commentary on the UN-Convention on the International Sale of Goods (CISG)*, 2nd ed Oxford University Press, Oxford, 2005, p.722.

¹³ Peter Schlechtriem, *The UN-Convention on Contracts for the International Sale of Goods*, Manz publishing, (1986), p.96.

¹⁴ Khoản 2, Điều 74, Hiến pháp Việt Nam năm 2013.

phạm này với các quy định hiện có trong pháp luật hợp đồng.

Cho đến nay, Việt Nam vẫn chưa chính thức công nhận và đưa ra quy định cụ thể đối với vi phạm hợp đồng trước thời hạn. Mặc dù trong hệ thống quy phạm pháp luật Việt Nam cũng có một vài quy định có bản chất khá tương tự nhưng so với lý thuyết vi phạm hợp đồng trước thời hạn thì những quy định này vẫn khá hạn chế về mặt phạm vi áp dụng và hậu quả pháp lý. Do đó, việc áp dụng pháp luật hiện hành để giải quyết các trường hợp có dấu hiệu rõ ràng về một vi phạm cơ bản sẽ xảy ra trong tương lai sẽ dẫn đến những bất cập nhất định. Khi một bên đã nắm chắc việc bên còn lại sẽ vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng khi đến hạn nhưng chỉ được quyền tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ của mình để chờ đến khi bên kia thực hiện lại, hoặc đưa ra đảm bảo về việc thực hiện nghĩa vụ chứ không được huỷ hợp đồng là không hợp lý và thiếu công bằng đối với bên có nguy cơ bị vi phạm. Sự trì hoãn trong trường hợp này sẽ dẫn đến sự lãng phí về mặt thời gian cũng như các nguồn lực để thực hiện hợp đồng. Không chỉ thế, việc buộc bên có nguy cơ bị vi phạm phải chờ đợi một cách thụ động sẽ mâu thuẫn với quy định về nghĩa vụ giảm thiểu thiệt hại tại Điều 305 Luật Thương mại năm 2005. Nếu anh ta có thể huỷ hợp đồng trước thời hạn và áp dụng những biện pháp khác để kịp thời ngăn chặn tổn thất thì thiệt hại mà bên vi phạm phải bồi thường có thể giảm đi đáng kể. Hơn thế nữa, trước sự công nhận rộng rãi của học thuyết Vi phạm hợp đồng ở nhiều quốc gia trên thế giới và đặc biệt các văn bản pháp lý quốc tế như Công ước Viên mà Việt Nam là thành viên, các nhà làm luật trong nước cần học hỏi và tiếp thu những điểm tiến bộ trong quy định của pháp luật nước ngoài về vi phạm hợp đồng trước

thời hạn để hoàn thiện pháp luật Việt Nam cũng như thúc đẩy sự thống nhất và hài hoà giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế. Mặc dù những khó khăn trở ngại của việc công nhận và điều chỉnh vi phạm hợp đồng trước thời hạn ở Việt Nam là không tránh khỏi, nhưng so với những ưu điểm mà học thuyết này mang lại, Việt Nam vẫn cần thiết công nhận và quy định cụ thể về loại vi phạm này. Những ý kiến trái chiều của các học giả luật, khả năng gây chông chéo với những quy định hiện có hay sự khó khăn khi áp dụng pháp luật sẽ là những vấn đề mà các nhà làm luật cần cân nhắc khi nghiên cứu để đưa ra những quy định minh thị, chặt chẽ và toàn diện về cả khái niệm, căn cứ cấu thành và hậu quả pháp lý của vi phạm hợp đồng trước thời hạn./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Thương mại Việt Nam năm 2005
2. Hiến pháp Việt Nam năm 2013
3. Bộ luật Dân sự Việt Nam năm 2015
4. David W. Robertson, *The Doctrine of Anticipatory Breach of Contract*, 20 La. L. Rev. (1959).
5. Peter Schlechtriem, *The UN-Convention on Contracts for the International Sale of Goods*, Manz publishing, (1986), p.96.
6. E.W. Hornung, in P. Schlechtriem / I. Schwenzer, *Commentary on the UN-Convention on the International Sale of Goods (CISG)*, 2nd ed Oxford University Press, Oxford, 2005, p.722.
7. Mahmoud Ibrahim Fayyad, *Rationalizing anticipatory breach in Emirati law: a comparative legal study with English law*, University of Sharjah Journal of Law Sciences-Vol. 19, 2020.
8. M.Gilbey Strub, *The convention on the international sale of goods: anticipatory repudiation provisions and developing countries*, International & Comparative Law Quarterly, Volume 38 Issue 3, 2008.
9. *Hochster v De La Tour*, 118 Eng.Rep. 922 (Queen's Bench, 1853)
10. *Afivos Shipping Co v Pagnan* [1983] 1 WLR 195